

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THẠCH THÀNH
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2022/DS- ST

Ngày: 11/7/2022

V/v: *Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THẠCH THÀNH, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Hải

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đặng Văn Thuận
2. Bà Quách Thị Tình

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.

Ngày 11/7/2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2022/TLST- DS, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “ Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST-DS ngày 11 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 14/2022/QĐST – DS ngày 25/5/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 40/2022/QĐST – DS ngày 20/6/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1960

Bà Lại Thị T, sinh năm 1963

Cùng địa chỉ: Khu phố S, thị trấn K, huyện T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Lại Thị T là ông Nguyễn Đức T (Theo văn bản ủy quyền ngày 25/11/2021)

- Bị đơn: Bà Bùi Thị M, sinh năm 1966

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Tăng Th

Địa chỉ: Thôn C, xã T, huyện T1, Thanh Hoá.

Tại phiên toà vắng mặt ông T, bà M và ông Th (ông T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bà M và ông Th vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lí do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2021 và trong quá trình giải quyết vụ án Nguyên đơn là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Gia đình bà Bùi Thị M có mua thức ăn chăn nuôi lợn của vợ, chồng ông. Quá trình chăn nuôi đến khi bán lợn nhiều lần nhưng gia đình bà M vẫn không trả tiền cho gia đình ông. Đến ngày 09/02/2018 bà M đã viết giấy nhận nợ với ông với tổng số tiền là 55.500.000 đồng và cam kết chịu lãi suất là 1 %/ tháng và thời hạn trả nợ là ngày 09/5/2020. Sau khi nhận nợ gia đình bà M đã trả được cho vợ, chồng ông số tiền 30.000.000 đồng. Gia đình bà M vẫn còn nợ ông, bà số tiền gốc là 25.500.000 đồng, mặc dù ông đã đòi nợ nhiều lần, nhưng gia đình bà M vẫn không trả nợ cho vợ, chồng ông. Đến nay ông yêu cầu bà M và ông Th phải trả cho vợ, chồng ông toàn bộ số tiền gốc là 25.500.000 đồng và tiền lãi suất trên số tiền nợ gốc tính từ ngày nhận nợ là ngày 09/02/2020 cho tới khi trả nợ xong với mức lãi suất là 1 %/ tháng.

Tại văn bản trình bày ý kiến của bà Bùi Thị M trình bày.

Trước đây gia đình bà có mua cám của ông T và bà T. Các đợt mua cám gia đình bà đều trả tiền và đến nay chỉ còn nợ lại số tiền 15.500.000 đồng. Bà không đồng ý với yêu cầu của ông T và bà T phải trả số tiền 25.500.000 đồng và cũng không đồng ý trả tiền lãi vì gia đình còn khó khăn.

Tại văn bản trình bày ý kiến của ông Nguyễn Tăng Th trình bày.

Năm 2017 ông có mua cám chăn nuôi Heo của ông T và bà T với tổng số tiền mua 55.500.000 đồng. Tuy nhiên năm 2017 ông trả cho ông T 20.000.000 đồng, năm 2018 ông trả tiếp số tiền 10.000.000 đồng, tiếp đến năm 2019 vợ và con ông đã tiếp tục trả cho ông T số tiền 10.000.000 đồng. Tất cả các lần mua nợ, trả nợ ông đều ký nhận vào sổ sách của ông T. Từ năm 2019 đến nay ông đi làm ăn xa không có nhà, khi biết được ông T khởi kiện tại Tòa án ông không đồng ý với giấy nhận nợ có chữ ký của vợ ông vì việc mua bán thức ăn là do ông giao dịch với ông T vợ ông không biết. Ông không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T và bà T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1]. Về tố tụng: Ông Nguyễn Đức T và bà Lại Thị T đang tranh chấp “Hợp đồng dân sự” do bà Bùi Thị M và ông Nguyễn Tăng Th vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Theo khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS) thì đây là tranh chấp về hợp đồng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án. Bị đơn là bà Bùi Thị M có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Thủ Chính, xã Thành Trục, huyện Thạch Thành, tỉnh Thanh Hóa nên thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân huyện Thạch Thành. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải cho các bên đương sự, nhưng bà M vắng mặt

không có lí do, nên tòa án đã tiến hành mở phiên họp vắng mặt ông Thu và thông báo kết quả kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ cho đương sự theo khoản 3 Điều 210 BLTTDS. Bà M đã được triệu tập họp lệ đến phiên hoà giải hai lần nhưng đều không đến để tham gia hoà giải nên Tòa án không tiến hành hoà giải được. Đây là trường hợp không tiến hành hoà giải được theo quy định tại khoản 1 điều 207 BLTTDS.

[2] Bà Bùi Thị M và ông Nguyễn Tăng Th cũng đã được triệu tập họp lệ lần thứ hai đến tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Ông Nguyễn Đức T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228 BLTTDS, tòa án xét xử vắng mặt ông T, bà M và ông Th.

[4] Việc mua thức ăn chăn nuôi của ông Nguyễn Đức T và bà Lại Thị T do không trả được nên đến ngày 09/02/2020 bà M đã viết giấy nhận nợ với ông T được thể hiện trong giấy nhận nợ mà ông T giao nộp cho Tòa án. Trong giấy nhận nợ ghi rõ số tiền nợ, ngày hẹn trả nợ, lãi suất và có chữ ký (ghi rõ họ tên) của người nợ tiền là bà Bùi Thị M. Như vậy hợp đồng vay tài sản giữa các bên đã được xác lập bằng văn bản, là hợp đồng hợp pháp.

[5]. Trong giấy nhận nợ ngày 09/02/2020, hai bên chốt nợ với nhau số tiền nợ là 55.500.000 đồng, thời hạn trả nợ của số tiền nợ là ngày 09/5/2020. Theo ý kiến ông T sau khi nhận nợ gia đình bà M mới trả được 02 lần tiền với số tiền 30.000.000 đồng. Bà M và ông Th trình bày đã trả được 03 lần tiền với số tiền 40.000.000 đồng. Tuy nhiên bà M và ông Th không xuất trình được tài liệu chứng cứ chứng minh ý kiến của mình nên không có cơ sở để chấp nhận ý kiến này của bà M và ông Th. Đến nay thời hạn trả nợ đã hết, ông Nguyễn Đức T và bà Lại Thị T khởi kiện yêu cầu bà M và ông Th phải trả số tiền nợ gốc là 25.500.000đ và tiền lãi trên nợ gốc theo thỏa thuận. Xét thấy, yêu cầu của ông T và bà T là phù hợp với thỏa thuận mà hai bên đã giao kết và phù hợp với quy định của pháp luật nên có cơ sở để chấp nhận.

[6]. Về lãi suất: Khi viết giấy nhận nợ hai bên đã thỏa thuận mức lãi suất là 1% mỗi tháng. Việc thỏa thuận lãi suất của hai bên là hoàn toàn tự nguyện và đúng quy định của pháp luật. Do đó yêu cầu trả tiền lãi trên nợ gốc tính từ ngày 09/02/2020 đến khi trả nợ xong của ông T và bà T được chấp nhận toàn bộ. Lãi suất phát sinh từ ngày 09/02/2020 đến ngày xét xử ngày 11/7/2022 là 29 tháng 02 ngày, số tiền lãi sẽ là: $25.500.000đ \times 1\% \times 29 \text{ tháng } 02 \text{ ngày} = 7.412.000 \text{ đồng}.$

[7] Về án phí: Do yêu cầu của ông T và bà T được Tòa án chấp nhận toàn bộ nên bà M và ông Th phải chịu toàn bộ án phí DSST theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463; Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự. Điểm a, khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

1. Buộc bà Bùi Thị M và ông Nguyễn Tăng Th phải trả cho ông Nguyễn Đức T và bà Lại Thị T tổng số tiền là 32.912.000 đ (Ba mươi hai triệu chín trăm mười hai nghìn đồng). Trong đó, tiền nợ gốc là 25.500.000 đồng, tiền nợ lãi tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 11/7/2022) là 7.412.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm (Ngày 11/7/2022), bà M và ông Th phải chịu tiền lãi trên số tiền gốc còn nợ với lãi suất là 1%/ tháng cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ.

2. Về án phí: Bà Bùi Thị M và ông Nguyễn Tăng Th phải chịu 1.645. 600đ (Một triệu sáu trăm bốn mươi lăm nghìn sáu trăm đồng) tiền án phí DSST. Trả lại cho ông Nguyễn Đức T số tiền là 755.000đ (Bảy trăm năm mươi lăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí DSST mà ông đã nộp đã nộp theo biên lai thu tiền số: AA/2021/0007551 ngày 12/01/2022.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt các đương sự. Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Thạch Thành;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Bùi Văn Hải

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các hội thẩm nhân dân

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Đinh Văn Tân

Nguyễn Thị Hà

Bùi Văn Hải